

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KRÔNG NĂNG
TỈNH ĐẮK LẮK**

Bản án số: 33/2018/DS-ST
Ngày 12- 10 - 2018
“V/v kiện đòi tài sản”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KRÔNG NĂNG, TỈNH ĐẮK LẮK**

Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Minh Thuận.

Các hội thẩm nhân dân:

Ông: Y Míp Niê.

Bà: Nguyễn Thị Chinh

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Mậu Tuấn - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Krông Năng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Năng tham gia phiên tòa: Bà Giản Thị Chung - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 10 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Krông N, tỉnh Đắk L xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 181/2017/TLST-DS ngày 11/12/2017, về việc: “Kiện đòi tài sản” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 26/2018/QĐXXST-DS ngày 11/7/2018 và quyết định hoãn phiên tòa số 24/2018/QĐST-DS ngày 02.8.2018, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Võ Đình H - Sinh năm: 1956 (có mặt)

Địa chỉ: thôn Tân T, xã Đliê y, huyện Krông N, tỉnh Đắk L. (Có mặt)

- Bị đơn: Công ty T.

Địa chỉ: thôn 1, xã Phú X, huyện Krông N, tỉnh Đắk L.

Người đại diện theo pháp luật: ông Nguyễn Xuân K - chức vụ: Chủ tịch kiêm Giám đốc công ty.

Người đại diện được uỷ quyền: ông Hoàng Bá S - chức vụ: Chủ tịch công đoàn cơ sở. (Có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 28/11/2017, lời khai trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa nguyên đơn là ông Võ Đình H trình bày: Tôi được biên chế vào lái xe cho công ty cà phê 49 từ tháng 6 năm 1996, đến năm 1998 thì tôi và công ty xảy ra việc tranh chấp đất đai. Chính việc này công ty đã định kiến gây áp lực và làm nhiều điều sai với tôi, trong đó có việc thu không đúng của tôi 26.656.882 đồng vì nợ bảo hiểm. Tôi lái xe từ tháng 6/1996 đến năm 2003 nạp tiền bảo hiểm qua bảng lương hàng tháng. Năm 2004, tôi xin nghỉ lái không lương, đóng bảo hiểm xã hội bằng tiền túi hàng năm đầy đủ. Đến năm 2007 thì công

ty không cho đóng nữa, yêu cầu nạp sản lượng cả phê đầy đủ trên diện tích đất đang tranh chấp lâu nay xong rồi mới được đóng bảo hiểm tiếp. Đất này công ty bảo tôi nhận khoán của công ty nhưng thực tế là đất này tôi đã khai hoang và là đất của tôi chứ không phải đất của công ty, cuộc tranh chấp kéo dài đến năm 2016 thì mới được giải quyết dứt điểm và phần thắng thuộc về tôi. Năm 2017, tôi làm đơn yêu cầu công ty giải quyết chế độ bảo hiểm thì mới biết năm 2007, công ty đã ra quyết định cho tôi thôi việc, quyết định này được gấp lại trong hồ sơ của phòng tổ chức. Năm 2017 mới có quyết định giải quyết chế độ bảo hiểm cho tôi thì lại thấy quyết định cho nghỉ việc được ký năm 2008.

Trước khi tôi thanh toán trợ cấp thì nhận được thông báo qua điện thoại của ông Lê Quốc Đ là kế toán trưởng của công ty cho rằng tôi nợ tiền bảo hiểm của công ty, nhưng tôi đã đóng đầy đủ và khi tôi đóng tiếp thì phía công ty không cho đóng. Biên bản xác nhận nợ giữa tôi và công ty thì không có khoản nợ nào về bảo hiểm xã hội.

Khi tôi thanh toán trợ cấp thì do chưa tìm ra được biên bản xác nhận công nợ nên buộc tôi phải ký vào chứng từ để hoàn tất thủ tục thanh toán và khi đã tìm ra được biên bản đối chiếu nợ thì tôi đã mang lên cùng với sổ bảo hiểm lên để chiếu nài công ty nhưng không được giải quyết dứt điểm, thỏa đáng.

Nay tôi đề nghị công ty cả phê 49 phải hoàn trả cho tôi số tiền 26.656.882 đồng đã thu của tôi.

Trong quá trình tiến hành tố tụng và tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền của bị đơn ông Hoàng Bá S trình bày: Ngày 18/8/2017, giám đốc công ty nhận được đơn khiếu nại nội dung thu giữ tiền trợ cấp không đúng của ông Võ Đình H, nguyên là lái xe công ty. Sau khi được giám đốc ủy quyền, ngày 29/8/2017 thì tôi đã mời ông H làm việc trả lời, giải thích thì ông H đã thông suốt. Tôi thấy việc giải quyết thanh toán chế độ thôi việc cho ông H là hợp lý và đúng chế độ theo quy chế cũng như Luật doanh nghiệp, thỏa ước lao động tập thể.

Qua nghiên cứu các văn bản và trả lời của các phòng cũng như các chứng từ công nợ của ông H, giám đốc công ty đã ưu ái giảm nợ, thanh toán hoàn tất chế độ mới theo bảo hiểm xã hội ban hành. Ông H đã ký nhận thanh toán đầy đủ chế độ vào ngày 05/7/2017.

Công ty thu số tiền 26.656.882 đồng trên cơ sở ông H đã nợ của công ty về tiền bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn và tiền lãi theo cách tính trong bảng tính của bảo hiểm xã hội.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông N phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật và quan điểm giải quyết vụ án:

Về việc tuân theo pháp luật: Tòa án đã thụ lý đúng thẩm quyền, xác định đúng và đủ tư cách các đương sự. Tại phiên tòa, Thẩm phán điều hành trình tự theo đúng thủ tục, các đương sự thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình. Về thời hạn giải quyết vụ án, Tòa án còn đề vụ kéo dài quá thời hạn luật định. Về quan điểm giải quyết vụ án xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn có cơ sở nên đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Tại phiên tòa, nguyên đơn và bị đơn không cung cấp thêm tài liệu chứng cứ nào khác.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, HĐXX nhận định :

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án và quan hệ pháp luật: Ngày 29/11/2017, Toà án nhân dân huyện Krông N nhận đơn khởi kiện của ông Võ Đình H về yêu cầu công ty T (công ty T) hoàn trả số tiền 26.656.882 đồng. Công ty có địa chỉ tại thôn 1, xã Phú X, huyện Krông N, tỉnh Đắk L nên căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự (BLTTDS) xác định vụ án thuộc thẩm quyền thụ lý, giải quyết của Toà án nhân dân huyện Krông N. Việc khởi kiện của ông Võ Đình H được xác định quan hệ tranh chấp là Kiện đòi tài sản, được quy định tại khoản 2 Điều 26 của BLTTDS.

[2] Về tư cách tham gia tố tụng: Ông Võ Đình H là người khởi kiện để yêu cầu Toà án giải quyết khi cho rằng quyền và lợi ích hợp pháp của mình bị xâm phạm nên ông H là nguyên đơn, được quy định tại khoản 2 Điều 68 của BLTTDS.

Công ty T (công ty T) là tổ chức pháp nhân bị nguyên đơn khởi kiện nên công ty là bị đơn. Người đại diện theo pháp luật của pháp nhân là ông Nguyễn Xuân K, chức vụ: chủ tịch kiêm giám đốc công ty được định tại khoản 3 Điều 68 của BLTTDS và khoản 1 Điều 91, khoản 4 Điều 141 của Bộ luật dân sự (BLDS).

Người đại diện theo uỷ quyền là ông Hoàng Bá S, chức vụ: chủ tịch công đoàn cơ sở, theo giấy uỷ quyền ngày 08/8/2017.

[3] Về nội dung vụ án. Về yêu cầu theo đơn khởi kiện: Ông Võ Đình H yêu cầu Công ty phải trả cho ông số tiền là 26.656.882 đồng vì ông cho rằng việc thu tiền của ông là không đúng, ông cho rằng mình không nợ tiền bảo hiểm xã hội đối với công ty. Số tiền này ông cho rằng ông đã nộp đầy đủ cho công ty rồi. HĐXX xét thấy cần chấp nhận một phần đơn khởi kiện của ông H như sau: Đối với số tiền bảo hiểm năm 2000 là 2.069.968 đồng, năm 2001 tiền đoàn phí công đoàn 488.000 đồng, năm 2002 tiền đoàn phí công đoàn 488.000 đồng, năm 2003 tiền bảo hiểm là 3.299.000 đồng, tổng là 6.344.968 đồng. Số tiền này Công ty thu là sai không đúng quy định vì trong thời gian này ông H đang là công nhân lái xe cho công ty có thang bậc lương, do đó việc công ty phải đóng bảo hiểm xã hội, phí công đoàn cho ông H sau đó mới trả lương cho ông H mới đúng theo quy định của pháp luật. Do đó việc thu tiền đóng bảo hiểm xã hội và đoàn phí là không đúng, nên buộc công ty phải trả lại cho ông H số tiền thu không đúng là 6.344.968 đồng.

Đối với số tiền lãi công ty thu đã thu của ông H là không có cơ sở vì công ty không có chức năng nhiệm vụ kinh doanh tiền tệ, do đó không có cơ sở để tính lãi đối với số tiền thu đóng bảo hiểm xã hội và phí công đoàn. Từ căn cứ trên buộc công ty phải trả lại cho ông H số tiền lãi là 6.151.588 đồng đã thu của ông H.

Đối với số tiền thu bảo hiểm xã hội các năm 2004 là 4.447.326 đồng, năm 2005 là 4.448.000 đồng, năm 2006 là 5.265.000 đồng. Tổng số tiền là 14.160.000 đồng. Số tiền này Công ty thu của ông H là đúng bởi vì theo thỏa ước lao động tập thể thì công nhân phải đóng tiền bảo hiểm cho công ty sau đó mới đóng cho bảo hiểm xã hội. Quá trình giải quyết vụ án ông H cho rằng mình đã đóng số tiền này nhưng ông không cung cấp được chứng cứ là đã nộp tiền cho công ty, và công ty đã đóng cho bảo hiểm xã hội huyện Krông năng số tiền 14.160.000 đồng, do đó buộc ông H phải hoàn trả lại cho công ty số tiền này. Như vậy yêu cầu đối với số tiền 14.160.000 đồng này đối với ông H là không có cơ sở chấp nhận.

Về án phí: Ông Võ Đình H phải chịu án phí DSST về phần bị bác đơn khởi kiện. Công ty T phải chịu án phí phần chấp nhận đơn khởi kiện của ông H.

Vì các lẽ trên!

QUYẾT ĐỊNH :

Căn cứ: Khoản 2 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 266 và Điều 273 của BLTTDS. Khoản 2 Điều 160, Điều 256 BLDS năm 2005; Nghị quyết 326 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của UBTVQH.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần đơn khởi kiện của ông Võ Đình H.

Buộc Công ty T phải trả cho ông Võ Đình H số tiền 12.496.556 đồng.

Bác một phần yêu cầu khởi kiện của ông Võ Đình H đối với số tiền 14.160.000 đồng.

2. Về án phí: Công ty T phải chịu 624.000 đồng án phí DSST. Ông Võ Đình H phải chịu 708.000 đồng. được khấu trừ 666.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai số 0002358 ngày 07.12.2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Krông N. Ông H còn phải đóng tiếp số tiền là 42.000 đồng.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự;

Nơi nhận:

- TAND tỉnh ĐắkL;
- VKSND H. Krông N;
- THADS H. Krông N;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

THAY MẶT HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Phạm Minh Thuận